

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Bức tranh năm 2020 và định hướng năm 2021

NGÔ THẮNG LỢI*
BÙI ĐỨC TUẤN**

Năm 2020 kết thúc, khác với bức tranh kinh tế toàn cầu lan tỏa một màu sắc ảm đạm, kinh tế Việt Nam lại được nhìn nhận với trạng thái “lưỡng nan”: Tăng trưởng kinh tế suy giảm ở mức thấp nhất trong thời kỳ 2011-2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhưng cũng trong bối cảnh đó, Việt Nam lại đạt được thành quả tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới. Dựa theo cách nhìn nhận nói trên, bài viết đi vào đánh giá trên hai góc cạnh của tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020 với những điểm nhấn quan trọng, trên cơ sở đó định hướng bức tranh tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021 và các giải pháp mang tính đột phá.

NHỮNG ĐIỂM SÁNG ĐÁNG GHI NHẬN

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế thuộc nhóm cao nhất thế giới

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, GDP của Việt Nam đã tăng nhanh từ 0,4% trong quý II/2020 lên 2,69% quý III và 4,48% trong quý IV/2020, đưa con số tăng trưởng cả năm so với năm trước là 2,91% thuộc nhóm cao nhất thế giới. Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã nhấn mạnh: Việt Nam là một trong 4 nền kinh tế trên thế giới có được sự tăng trưởng về GDP bình quân đầu người, đó là: Việt Nam, Đài Loan, Ai Cập và Trung Quốc với thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam đạt 12.100 USD năm 2020 (tính theo phương pháp PPP).

BẢNG 1: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA MỘT SỐ NƯỚC
NĂM 2020 (%)

| Quốc gia | Năm 2019 | Năm 2020 |
|------------|----------|----------|
| Toàn cầu | 2,7 | - 4,4 |
| Mỹ | 2,2 | - 3,5 |
| Nhật Bản | 0,7 | - 5,4 |
| Trung Quốc | 6,1 | + 2,1 |
| Thái Lan | 2,4 | -7,8 |
| Malaysia | 4,3 | - 6,0 |
| Indonesia | 5,0 | - 2,2 |
| Việt Nam | 7,0 | +2,91 |

Báo cáo của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia cuối năm 2020 đã khẳng định, trong bối cảnh dịch Covid-19 gây ra một cú sốc lớn làm kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu suy thoái sâu và nghiêm trọng, bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2020 tiếp tục duy trì ổn định và đạt được những kết quả tích cực trên các lĩnh vực là nhờ sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp (DN) và nhân dân cả nước. Sau khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng, cùng với tác động tích cực từ những chính sách hỗ trợ DN và người dân của Chính phủ, các lĩnh vực kinh tế - xã hội đang bước vào trạng thái hoạt động trong điều kiện bình thường mới với việc duy trì kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp.

(2) Nông nghiệp thể hiện là trụ cột tăng trưởng kinh tế trong điều kiện khó khăn

Năm 2020, mặc dù có nhiều khó khăn đối với nông nghiệp, như: đại dịch Covid-19, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra ở cả ba miền, thị trường tiêu thụ một số nông sản chịu tác động từ chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, nhưng nông nghiệp đã đạt tốc độ

* GS, TS., ** PGS, TS., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

tăng trưởng GDP là 2,65%, cao hơn năm 2019 (chỉ đạt 2,2%) và cao hơn nhiều năm trước đây trong giai đoạn 2011-2020 (Hình 1). Trong đó, tăng trưởng ngành thủy sản đạt cao nhất (3,08%); lâm nghiệp 2,85%. Các sản phẩm cây công nghiệp (chè, cà phê, cao su, hạt điều), các sản phẩm chăn nuôi (bò, lợn, gia cầm), sản phẩm nuôi trồng thủy sản (tôm) có tốc độ tăng trưởng cao hơn từ 1,5 đến 2 lần mức trung bình ngành nông nghiệp.

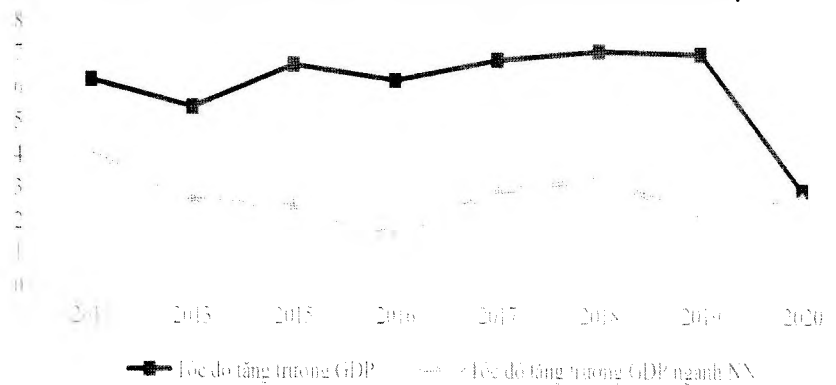
Hình 1 cho thấy, năm 2020, tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp đạt xấp xỉ (bằng 91%) mức tăng trưởng chung toàn nền kinh tế. Trong khi đó, mặc dù các năm: 2011, 2017 và 2018, tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp cao hơn năm 2020, nhưng khoảng chênh của tăng trưởng GDP của nông nghiệp so với mức tăng trưởng trung bình khá cao (tương ứng các con số là: 0,65%; 0,43% và 0,46%). Điều này thể hiện những thành quả đáng ghi nhận của ngành nông nghiệp. Với thành quả trên, tăng trưởng ngành nông nghiệp đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng trưởng chung toàn nền kinh tế (năm 2019 chỉ đóng góp 4,6%), tỷ trọng GDP nông nghiệp chiếm 14,85%, tăng lên so với năm 2019, đạt 13,96%. Đời sống nông dân tiếp tục được cải thiện, tính đến cuối năm 2020, thu nhập của người nông dân bình quân đạt khoảng 43 triệu đồng/người/năm (năm 2018, con số này là 35,88 triệu đồng). Mức tăng trưởng đó cũng thể hiện rõ nét khả năng thích nghi và ứng phó của ngành nông nghiệp nước ta trong điều kiện xuất khẩu nông sản gặp vô vàn khó khăn.

Một trong những động lực chính trong quá trình vượt khó của khu vực nông nghiệp là làn sóng đầu tư của các DN vào nông nghiệp trong năm 2020, các DN phát triển, gắn kết chặt chẽ với hợp tác xã đã trở thành hạt nhân trụ cột trong liên kết với bà con nông dân, từ đó tạo sự chuyển biến về chất, nâng giá trị nông sản Việt Nam.

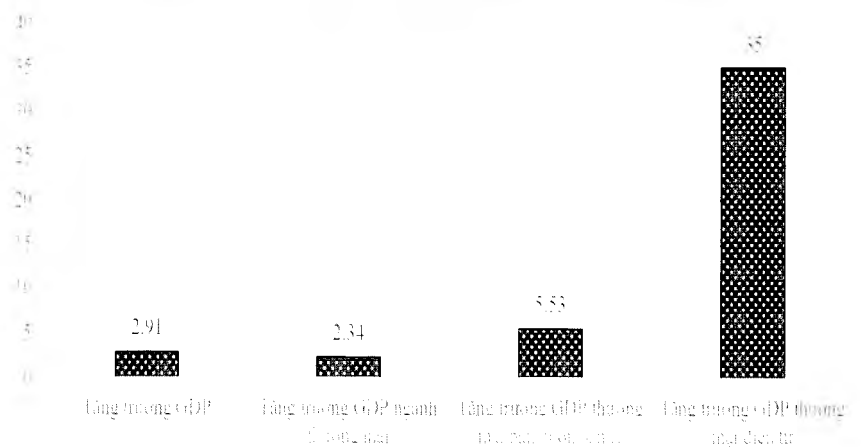
(3) Thương mại bán buôn và bán lẻ hàng hóa tăng trưởng nhanh nhờ vào những đột phá trong thương mại điện tử (TMĐT)

Đại dịch Covid-19 trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã tạo ra những "lực đẩy" rất lớn để thị trường TMĐT Việt Nam có thể tăng tốc phát triển toàn diện, với số lượng và giá trị

HÌNH 1: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP NGÀNH NÔNG NGHIỆP



HÌNH 2: TĂNG TRƯỞNG GDP NGÀNH TMĐT NĂM 2020



các giao dịch TMĐT tăng trưởng vượt trội. TMĐT ở Việt Nam đã bùng phát từ năm 2019, sang năm 2020, tăng trưởng mạnh hơn, với quy mô TMĐT đạt trên 15 tỷ USD, tăng trưởng khoảng 35% so với năm 2019 (Hình 2). Việt Nam trở thành một trong những thị trường TMĐT tăng trưởng nhanh nhất ở khu vực Đông Nam Á.

Nghiên cứu nguyên nhân TMĐT phát triển lạc quan trong năm 2020 có thể rút ra 3 điểm cần nhấn mạnh:

(i) Đại dịch là chất xúc tác làm thay đổi hành vi tiêu dùng, người Việt Nam vẫn giữ được sự lạc quan và nhanh chóng chuyển mạnh sang kênh mua sắm trực tuyến;

(ii) Các DN kinh doanh trong lĩnh vực này gần như giữ nguyên được đội ngũ nhân sự trong các tháng cao điểm của dịch và hầu hết tăng nhân sự trong nửa năm còn lại, họ cũng hiểu rõ cơ hội mới từ cộng đồng mua sắm đông hơn và tin tưởng hơn vào kênh mua sắm trực tuyến;

(iii) Điểm sáng nhất và đáng chú ý nhất của thị trường TMĐT Việt Nam trong thời gian qua là sự tham gia sâu hơn, rộng hơn và ganh đua mạnh mẽ của các DN nước ngoài tham gia vào thị trường TMĐT Việt Nam. Các nghiên cứu về phát triển TMĐT ở Việt Nam đã khẳng định, Việt Nam có TMĐT phát triển nhanh, đến năm 2023, thanh toán điện tử có thể tăng lên 6 lần, đạt 16 tỷ USD và chiếm 8% tổng số giao dịch thanh toán và tỷ lệ thanh toán không tiền mặt sẽ tăng từ 16% năm 2020 lên 23%.

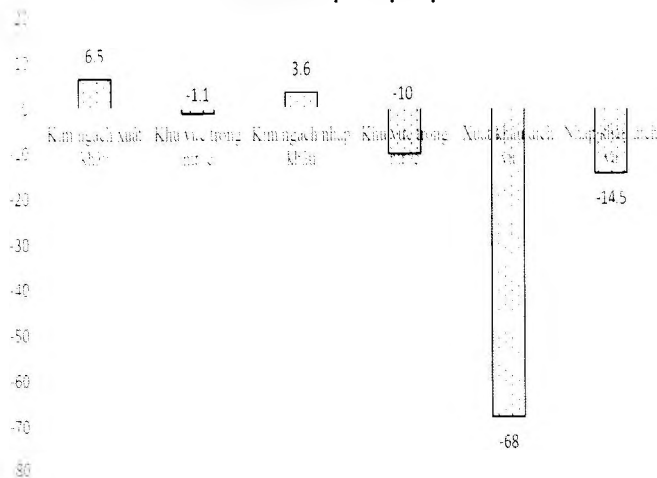
BẢNG 2: TĂNG TRƯỞNG GDP MỘT SỐ NGÀNH KINH TẾ (%)

| Ngành kinh tế | 2019 | 2020 | 2020/2019 |
|---|------|--------|-----------|
| Toàn nền kinh tế | 7,02 | 2,91 | 0,42 |
| Nông nghiệp | 2,2 | 2,65 | 1,2 |
| Công nghiệp | 8,9 | 3,36 | 0,38 |
| <i>Trong đó:</i> - Khai thác khoáng sản | 1,29 | -5,62 | |
| - Công nghiệp chế biến | 9,2 | 5,85 | |
| Dịch vụ | 7,3 | 2,34 | 0,32 |
| <i>Trong đó:</i> - Vận tải | 9,12 | -1,88 | |
| - Lưu trú ăn uống | 11,9 | -14,68 | |

BẢNG 3: MỘT SỐ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG

| Tiêu chí | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|--------------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tăng trưởng NSLĐ (%) | 5,29 | 6,02 | 6,00 | 6,09 | 5,40 |
| Suất đầu tư tăng trưởng | 6,42 | 6,40 | 5,90 | 6,08 | 14,28 |
| Đóng góp của TFP vào tăng trưởng (%) | 40,68 | 45,47 | 45,20 | 46,11 | 41,61 |

HÌNH 3: TĂNG TRƯỞNG KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU TỪ KHU VỰC NỘI ĐỊA



NHỮNG MẢNG TỐI TRONG NĂM 2020

Một là, sự sụt giảm mạnh tăng trưởng ở hai ngành dịch vụ và công nghiệp

Bảng 2 cho thấy, ngành công nghiệp và dịch vụ đều có mức suy giảm tốc độ tăng trưởng cao hơn mức chung của toàn nền kinh tế (các số liệu tương ứng là 0,38%; 0,32% và 0,42%).

Ngành dịch vụ chấp nhận một mức suy giảm tăng trưởng cao nhất. Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ bị kéo xuống phân nhiều là do một số ngành tăng trưởng âm, vì chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19, như: Dịch vụ lữ hành đã giảm doanh thu tới 60% so với năm 2019, dịch vụ ăn uống lưu trú là 20%; Doanh thu dịch vụ vận tải giảm 30%, trong đó: đường sắt 54%, hàng không 42% và đường bộ 30%; Lượng khách du lịch

quốc tế giảm tới 80% so với năm 2019. Ngành vận tải, du lịch, lưu trú ăn uống suy giảm do hậu quả của chính sách cách ly và giãn cách xã hội trong nước và quốc tế để ứng phó với dịch Covid-19.

Ngành công nghiệp cũng chỉ đạt mức tăng trưởng bằng 38% so với năm trước, trong đó sự suy giảm tăng trưởng xảy ra ở tất cả các ngành cấp 1, trong đó ngành công nghiệp khai thác khoáng sản có tốc độ tăng trưởng âm (-5,56%). Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo suy giảm tăng trưởng do sự đứt gãy của chuỗi cung ứng, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nước và quốc tế. Ngành khai thác khoáng sản nhận giá trị âm chủ yếu do kim ngạch xuất khẩu dầu mỏ bị suy giảm, chỉ bằng 77,1% so với năm 2019. Nguyên nhân là do từ quý II đến quý IV/2020, giá dầu thô xuất khẩu của Việt Nam giảm mạnh theo xu hướng giá dầu thô thế giới, do ảnh hưởng dịch Covid-19 các nước thực hiện giãn cách xã hội, nhu cầu đi lại giảm, hoạt động sản xuất giảm khiến cầu tiêu thụ dầu và các sản phẩm từ dầu trên toàn thế giới giảm.

Hai là, chất lượng tăng trưởng thấp

Có thể nói, giai đoạn 2016-2020 đã khẳng định xu hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trên cả khía cạnh hiệu quả sử dụng các yếu tố nguồn lực và cấu trúc đầu vào của tăng trưởng. Tuy nhiên, các tiêu chí phản ánh chất lượng tăng trưởng năm 2020 bị suy giảm, cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng năng suất lao động của Việt Nam bị giảm đi khoảng 0,7 điểm phần trăm. Điều này được giải thích bởi tỷ lệ thất nghiệp năm 2020 đã tăng lên so với năm 2019 là 0,3% điểm phần trăm, trong đó tỷ lệ thất nghiệp thành thị đã tăng lên 0,8 điểm phần trăm.

- Tỷ lệ lao động hoạt động kinh tế của năm 2020 cũng giảm đi so với năm 2019 là 2,24%. Hiện tượng giảm lao động và tăng tỷ lệ thất nghiệp thể hiện rõ ở khu vực công nghiệp và thương mại dịch vụ.

- Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư năm 2020 thấp đi khá rõ ràng do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế bị đình trệ, các dự án công trình hoàn thành đưa vào sử dụng chưa phát huy được năng lực. Năm 2020, vốn đầu tư tăng trưởng 5,7%, nhưng chủ yếu là ở dòng vốn ngân sách (tăng 34%). Trong khi đó, các dòng vốn đầu tư có hiệu quả

đối với tăng trưởng kinh tế trực tiếp hơn là đầu tư tư nhân và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng trưởng thấp hơn, thậm chí âm (các số liệu tương ứng là 3,1% đối với dòng vốn tư nhân và - 2% đối với dòng FDI). Vốn đầu tư từ ngân sách trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đã phải sử dụng vào nhiều lĩnh vực không liên quan trực tiếp đến tăng trưởng GDP.

Ba là, sự giảm sút tăng trưởng xuất - nhập khẩu của khu vực kinh tế trong nước

Hình 3 cho thấy, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu giảm sút ở khu vực kinh tế trong nước thể hiện trên 2 mặt: (i) Đó là sự giảm kim ngạch xuất khẩu của hầu hết các mặt hàng nông sản: thủy sản giảm 1,8%; rau quả giảm 13%; hạt điều giảm 3%, cà phê giảm 7,2%; hạt tiêu giảm 6,8%; chè giảm 6,9% giảm 0,4%; (ii) Sự suy giảm tốc độ tăng trưởng của nhóm hàng công nghiệp nhẹ đạt tốc độ tăng trưởng 2,4%, chỉ bằng 35% tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, do hậu quả của sự đứt gãy chuỗi cung ứng thương mại đối với các sản phẩm xuất khẩu mang tính giá công, tạm nhập - tái xuất.

Kim ngạch nhập khẩu đối với các DN nhập khẩu trong nước giảm sút đã làm giảm đáng kể tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu năm 2020. Nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu đạt đã giảm 7,7%, làm giảm 5,2 điểm phần trăm kim ngạch nhập khẩu. Nhóm hàng tiêu dùng giảm 3,8%, làm giảm 0,5 điểm phần trăm tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu. Sự suy giảm kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu đã gây hậu quả kép: một mặt làm cho tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu giảm đi; mặt khác, gây ảnh hưởng làm suy giảm tăng trưởng đối với các DN sản xuất dựa vào nhập khẩu nguyên liệu.

Trong năm 2020, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ giảm sút mạnh nhất bởi tác động của đại dịch Covid-19, ước tính đạt 6,3 tỷ USD, giảm 68,4% so với năm 2019, trong đó dịch vụ du lịch đạt 2,5 tỷ USD (chiếm 39,8% tổng kim ngạch), giảm 78,8%; dịch vụ vận tải đạt 727 triệu USD (chiếm 11,6%), giảm 83,4%. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ năm nay ước tính đạt 18,3 tỷ USD, giảm 14,5% so với năm trước; trong đó: dịch vụ vận tải đạt 8,3 tỷ USD (chiếm 45,2% tổng kim ngạch), tăng 3,5%; dịch vụ du lịch đạt 4 tỷ USD (chiếm 22%).

BẢNG 4: TỔNG HỢP CÁC DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021

| Các tổ chức | Dự báo | Lý do |
|-----------------------------------|--|--|
| Ngân hàng Thế giới (WB) | Tăng trưởng khoảng 6,8% năm 2021 và ổn định 6,5% các năm tiếp theo | Khủng hoảng Covid-19 sẽ dần được kiểm soát, khi vắc-xin Covid-19 chứng minh được tính hiệu quả, kết quả quản lý một số rủi ro có thể phát sinh ở các mặt tài khóa, tài chính và xã hội. |
| Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) | Tăng trưởng dự kiến đạt 6,5% trong năm 2021 | Hoạt động kinh tế trong và ngoài nước tiếp tục bình thường hóa. Các chính sách tài khóa và tiền tệ dự kiến vẫn mang tính hỗ trợ, mặc dù ở mức độ thấp hơn so với năm 2020 |
| Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) | Tăng trưởng đạt 6,1% năm 2021 | đầu tư công được đẩy mạnh, tiêu dùng trong nước phục hồi, mở rộng thương mại và phục hồi kinh tế nhanh chóng của Trung Quốc |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI | Dự báo tăng trưởng GDP khoảng 6,5% năm 2021 | Việt Nam là trung tâm trong hệ sinh thái công nghiệp chế biến, chế tạo toàn cầu và các tác động mạnh mẽ hơn từ các hiệp định thương mại tự do, như: CPTPP, EVFTA hay RCEP tác động tốt đến ngoại thương của Việt Nam |

Ngày 11/11/2020, DP, 89

ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU KINH TẾ NĂM 2021

Định hướng mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2021 được nhóm nghiên cứu dựa trên những căn cứ sau đây:

(i) Dự báo của một số tổ chức quốc tế và trong nước

Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021 của các tổ chức được thể hiện ở Bảng 4.

(ii) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

Ngày 11/11/2020, tại Kỳ họp lần thứ 10, Quốc hội khóa 14 đã ban hành Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 với các mục tiêu và điều kiện cụ thể, theo đó: GDP tăng khoảng 6%; GDP bình quân đầu người khoảng 3.700 USD; với điều kiện tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%, tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 45%-47%, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội khoảng 4,8% với các điểm nhấn quan trọng: Tập trung thực hiện hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; thúc đẩy mạnh mẽ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh, phát triển mạnh thị trường trong nước; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng và công trình trọng điểm quốc gia.

(iii) Những thông tin từ phía DN

Theo kết quả khảo sát xu hướng kinh doanh các DN chế biến, chế tạo quý IV được thực hiện bởi Tổng cục Thống kê cho thấy, những nhận định lạc quan của DN; theo đó: về tình hình sản xuất, kinh doanh, khu vực DN FDI lạc quan nhất với 83% số DN dự báo tình hình sản

xuất, kinh doanh quý tốt hơn và giữ ổn định so với năm 2020; tỷ lệ này ở khu vực DN ngoài nhà nước và DN nhà nước lần lượt là 80,5% và 77,7%. Cụ thể: Về khối lượng sản xuất, có 81,5% số DN dự báo khối lượng sản xuất tăng và ổn định; Về đơn đặt hàng, có 82,5% số DN dự kiến có đơn hàng tăng hoặc ổn định; Về đơn đặt hàng xuất khẩu, có 82,2% số DN dự kiến tăng đơn hàng xuất khẩu mới hoặc ổn định.

Dựa trên các căn cứ nói trên, nhóm nghiên cứu đưa ra mục tiêu tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2021 sẽ đạt được trong khoảng 6,0%-6,5%. Con số này phù hợp với phần lớn các nhận định và dự báo của các chuyên gia, các tổ chức quốc tế cũng như trong nước. Tuy vậy, để đạt được mục tiêu này, trước hết phải là việc kiểm soát tốt được dịch bệnh Covid-19, cũng như triển khai các giải pháp tích cực.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHO NĂM 2021 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

Thứ nhất, khôi phục dòng vốn FDI

Trong thời gian tới, thu hút vốn FDI có thể tiếp tục gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19 đang bùng phát trở lại ở nhiều quốc gia lớn là đối tác quan trọng của Việt Nam. Lượng vốn điều chỉnh chỉ bằng 40% lượng vốn đăng ký ban đầu trong năm 2020 và lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam bị giảm đi so với năm 2019 trên 2%. Đây là một nguyên nhân khá quan trọng làm giảm tăng trưởng GDP trong năm 2020.

Theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vẫn có rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài quan tâm, tin tưởng và có nhu cầu đầu tư vào Việt Nam. Vì thế, bên cạnh đầu tư công, phải thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa đầu tư tư nhân, bao gồm cả đầu tư trong nước và FDI. Để cải thiện tình trạng thu hút FDI, cần:

Trước hết, Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực phục hồi nền kinh tế sau đại dịch, đồng thời thuận lợi hóa các thủ tục cách ly, kiểm tra y tế để các nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận tìm hiểu thị trường Việt Nam.

Thứ nữa, phải cải cách môi trường đầu tư mạnh mẽ hơn để tháo gỡ khó khăn cho người dân, DN, vừa tận dụng cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài trong bối cảnh xu thế dịch chuyển vốn đầu tư, chuỗi cung ứng.

Cuối cùng, cần chủ động thu hút đầu tư có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá, các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng.

Thứ hai, những đổi mới trong kinh tế và tổ chức sản xuất nông nghiệp

Năm 2021, thế giới vẫn phải chấp nhận những rủi ro và thách thức vô cùng lớn, trong đó, nổi lên, bao trùm đó là đại dịch Covid-19. Đặc biệt, chuỗi cung ứng, logistics chung ảnh hưởng đến nhiều ngành hàng, trong đó có nhóm nông sản. Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu vẫn tiếp tục rất cực đoan, khắc nghiệt và khó dự báo. Trên cơ sở kết quả tăng trưởng khá tích

cực trong năm 2020, để nông nghiệp tiếp tục làm trụ cột cho tăng trưởng kinh tế, cần thực hiện các giải pháp sau:

- *Tập trung tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp*. Theo đó, tập trung xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, tập trung khép kín chuỗi giá trị, từ phát triển nguyên liệu, tập trung chế biến đến tổ chức thương mại. Trên cơ sở đồng bộ cả 3 nhóm sản phẩm chủ lực, gồm: Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia bao gồm 10 nhóm mặt hàng có giá trị xuất khẩu 1 tỷ USD trở lên; Nhóm nông sản thuộc thế mạnh các tỉnh, như: nhãn lồng Hưng Yên, vải thiều Bắc Giang...; Nhóm đặc sản quy mô địa phương hay còn gọi Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Như vậy, với việc đồng hành cùng lúc 3 trục sản phẩm, phải tập trung chỉ đạo phát triển theo hướng hàng hóa, hiệu quả trên cơ sở ứng dụng khoa học tốt nhất, công nghệ 4.0 vào từng quy mô, từng khu vực, từng ngành hàng ở mức độ phù hợp.

- *Chăm lo chất lượng sản phẩm*. Do đó, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, nông nghiệp đặc sản cần phải chú ý hơn nhiều. Tập trung nỗ lực các nhóm giải pháp để mời gọi được nhiều DN vào và trở thành nòng cốt, hạt nhân trong chuỗi liên kết. Thành lập nhiều hợp tác xã kiểu mới, cùng với các hộ nông dân để hình thành các chuỗi liên kết. Làm sao để người nông dân, hợp tác xã, DN thành trực liên kết nhuần nhuyễn, hoàn thiện trong tất cả các quy mô sản xuất, cấp độ, ngành hàng. Như vậy, mới đạt được mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng hiện đại, hội nhập và chủ động, hiệu quả.

- *Thu hút nhiều hơn DN hạt nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*. Để làm được điều đó, cần tiếp tục các giải pháp tổng thể để khuyến khích nhiều hơn DN đầu tư vào nông nghiệp nói riêng, khu vực nông thôn nói chung theo hướng tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, đặc biệt là thủ tục hành chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ các địa phương tạo điều kiện thông thoáng nhất, thuận lợi nhất cho các DN đầu tư vào nông nghiệp.

Thứ ba, chính sách khôi phục phát triển các DN nội địa

Với thực trạng “sức khỏe” của khu vực DN và những hệ lụy của đại dịch Covid-19 gây ra cho DN nội địa và nền kinh tế, cần khẩn trương nghiên cứu thực hiện các chính sách phù hợp, như sau:

- Thực hiện chính sách tài khoá nghịch chu kỳ, sử dụng ngân sách nhà nước cấp tiền hoặc cho vay ưu đãi để các DN có đủ vốn vượt qua khó khăn. rà soát lại các quy định, điều kiện, nới lỏng các yêu cầu về điều kiện thụ hưởng, đổi mới công tác triển khai, cũng như xóa bỏ các quy định công kênh để DN có thể thụ hưởng chương trình hỗ trợ bằng tiền từ ngân sách và gói hỗ trợ tín dụng; chấp nhận “thà giúp nhầm còn hơn bỏ sót” để hỗ trợ thực sự đến được những DN dễ bị tổn thương.

- Khi nền kinh tế trong giai đoạn phục hồi tăng trưởng sau đại dịch, chính sách tài khoá cần chuyển hướng sang hỗ trợ có trọng tâm để bảo vệ cho các DN dễ bị tổn thương, hỗ trợ tạo động lực cơ cấu lại nền kinh tế; hỗ trợ đầu tư trong nước hiệu quả hơn và hỗ trợ thu hút FDI có chọn lọc để tranh thủ được xu hướng chuyển dịch FDI do đại dịch tạo ra. Điều hành lãi suất linh hoạt, hạ lãi suất phù hợp với tình hình kinh tế vĩ mô; cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giảm lãi, phí; linh hoạt thực hiện chính sách ưu đãi tín dụng tại các ngân hàng thương mại, thúc đẩy tín dụng tiêu dùng.

- Khẩn trương có giải pháp và triển khai thực hiện hỗ trợ DN tiếp cận kênh thông tin về xuất, nhập khẩu nhằm tìm kiếm thị trường mới nhập khẩu nguyên, vật liệu đầu vào, tránh phụ thuộc vào một thị trường và thị trường mới để tiêu thụ sản phẩm đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời hỗ trợ DN đẩy mạnh hoạt động TMĐT, kinh tế số, kinh tế chia sẻ.

- Có giải pháp hỗ trợ vốn cho DN nhỏ và vừa thông qua Quỹ Phát triển DN nhỏ và vừa để tạo điều kiện cho DN vừa và nhỏ tiếp cận được nguồn lực tài chính cần thiết vượt qua khó khăn, phục hồi sản xuất.

- Hỗ trợ giá, bù đắp chi phí vận chuyển, lưu kho tăng do cộng đồng DN phải nhập khẩu nguyên vật liệu từ các thị trường mới với các chi phí liên quan cao hơn, như: giá nguyên, vật liệu cao hơn, chi phí vận chuyển cao hơn do phải chuyên chở quãng đường dài hơn. Đồng thời, hỗ trợ các DN cung ứng vật tư trong nước vượt qua khó khăn, tiếp tục thực hiện vai trò nhà cung ứng nguyên liệu, hàng hoá đầu vào trong nước. Ban hành và triển khai thực hiện một số chính sách đặc thù để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho DN thuộc một số ngành lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, như: du lịch, hàng không.

Thứ tư, giải pháp thúc đẩy TMĐT

Trong năm 2020, đại dịch tạo đà và đẩy mạnh hoạt động TMĐT của DN Việt Nam, khi khách hàng ở nhiều nơi trên thế giới và Việt Nam không còn cách nào khác là buộc phải ngồi trước màn hình máy tính để tìm kiếm sản phẩm và thực hiện các giao dịch mua bán, thanh toán qua các thiết bị điện tử... Do đó, trong thời gian tới, thúc đẩy thị trường TMĐT Việt Nam là một trong những hướng đi cần quan tâm cải thiện với mục tiêu là động lực mới của tăng trưởng kinh tế ngành dịch vụ. Trong thời gian tới, cần có các giải pháp khắc phục những hạn chế của TMĐT.

Trước hết, Nhà nước và DN cần phối hợp để tiếp tục hoàn thiện hạ tầng cho TMĐT phát triển, hoàn thiện mô hình thanh toán TMĐT, xây dựng hệ thống giám sát và quản lý hoạt động trên môi trường trực tuyến..., nhằm tận dụng tối đa những lợi ích mà TMĐT đem lại trong việc quảng bá sản phẩm, định vị thương hiệu, kết nối khách hàng và tìm kiếm thị trường để mở rộng mạng lưới kinh doanh.

Mặt khác, Nhà nước cần có một chiến lược được hoạch định rõ ràng trong việc chống lại vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt trên môi trường mạng, đảm bảo an ninh an toàn mạng. Mặt khác, cần đẩy mạnh tuyên truyền thực thi quyền sở hữu trí tuệ tới cộng đồng DN và người dân, phổ biến các cam kết và công ước quốc tế về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ khi Việt Nam tham gia ngày càng nhiều các hiệp định thương mại tự do... Đặc biệt, cần có các chế tài xử phạt đủ sức răn đe đối với việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, an ninh an toàn trên môi trường mạng, có như vậy mới có thể thúc đẩy TMĐT phát triển bền vững. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2020). *Nghị quyết số 124/2020/QH14, ngày 11/11/2020 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021*
2. Tổng cục Thống kê (2020). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2020*
3. Công ty Chứng khoán SSI (2020). *Sơ lược triển vọng kinh tế vĩ mô và thị trường Việt Nam năm 2021*
4. IMF (2020). *Báo cáo triển vọng phát triển kinh tế thế giới 2021*
5. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) (2020). *Báo cáo Cập nhật triển vọng phát triển châu Á (ADO) 2020*
6. Ngân hàng Thế giới (WB) (2020). *Báo cáo cập nhật khu vực kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, công bố tháng 12/2020*